

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **166/2017/DS-PT**

Ngày: 28-9-2017

V/v tranh chấp: “Bồi thường thiệt hại
về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Hồng Vân

: Ông Ngô Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 104/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Trần Thanh D, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 226, tổ 6, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh D có bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1956, địa chỉ cư trú: Số nhà 226, tổ 6, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2017). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư ông Võ Văn Mão thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Bà Lại Thị Kim P, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Hồ Thị Diệu H, sinh năm 1964. (vắng mặt)

3.2 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983. (vắng mặt)

3.3 Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

3.4 Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm 3, TT T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Trần Thanh D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Thanh D trình bày: Căn nhà của ông là loại nhà tạm, kết cấu khung sườn bằng gỗ bạch đàn, vách bằng tole, mái lợp tole, sàn lót ván, loại nhà sàn, cọc gỗ bạch đàn, tọa lạc tổ 4, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, căn nhà của bà P nằm liền kề với nhà ông, nhà bà P cũng loại nhà tạm có kết cấu giống như nhà của ông, cả hai căn nhà đã siêu vẹo, có nguy cơ sập đổ bất cứ lúc nào, nên vào sáng ngày 17/11/2016 ông dọn dẹp nhà và khiêng tủ sang nhà của mẹ ông, đến khoảng 11 giờ thì hai căn nhà bị sập, thời điểm sập nhà ông đang ở bên nhà mẹ ông nên không chứng kiến việc sập nhà, ông không biết nguyên nhân dẫn đến sập nhà, đồ đạc trong nhà bị thiệt hại. Ngày hôm sau ông định trực vớt đồ đạc ở trong nhà lên để tránh bị thiệt hại nhưng bà P lại dùng dao dọa không cho ông vớt đồ lên nên bị thiệt hại các tài sản gồm:

- 02 tủ áo bằng nhựa hiệu Duy Tân trị giá 3.200.000 đồng.
- 01 tủ lạnh 140 lít, trị giá 6.600.000 đồng
- 01 mô tơ bơm nước trị giá 1.500.000 đồng
- Đồ dùng lặt vặt như chén, tô trị giá 2.000.000 đồng
- 01 đồng hồ treo tường trị giá 500.000 đồng
- Khung bằng nhôm làm phòng ngủ trị giá 15.000.000 đồng
- Thiết bị điện ánh sáng trị giá 1.000.000 đồng
- Căn nhà trị giá 70.000.000 đồng.

Tổng tài sản thiệt hại trị giá: 99.800.000 đồng.

Ông khởi kiện yêu cầu bà P phải bồi thường thiệt hại cho ông tổng số tiền 99.800.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông D rút yêu cầu bồi thường phần căn nhà trị giá 70.000.000 đồng, yêu cầu bà P bồi thường 29.800.000 đồng.

Bị đơn bà Lại Thị Kim P trình bày: Căn nhà bà có kết cấu khung sườn bằng gỗ bạch đàn, vách bằng tole và ván, mái lợp tole, sàn lót ván loại nhà sàn, cọc gỗ bạch đàn, còn nhà sau thì nóng cọc bằng bê tông. Do căn nhà của ông D nằm liền kề với nhà của bà, nhà ông D cũng loại nhà tạm có kết cấu giống nhà của bà nhưng đã xuống cấp trầm trọng, nguy cơ sập đổ bất cứ lúc nào. Lúc 11 giờ ngày 17/11/2016 ông D tiến hành dọn nhà, khiêng tủ, cạy ván và cửa sắt để sửa chữa lại căn nhà nhưng không thông báo cho bà biết để chống, chằng lại căn nhà, nhà của ông D bị siêu vẹo nên bị sập đổ đè nghiêng qua căn nhà của bà làm sập luôn căn nhà của bà, tại Văn phòng áp C, xã L, huyện T, ông D đồng ý hỗ trợ cho bà 2.000.000 đồng, bà không đồng ý, nay yêu cầu bồi thường thiệt hại về căn nhà và tài sản bao gồm:

- 01 tủ thờ bằng ván ép trị giá 1.500.000 đồng.
- 01 tủ áo bằng nhôm trị giá 2.000.000 đồng
- 01 tủ chén bằng nhôm trị giá 600.000 đồng
- 01 cái giường ngủ bằng gỗ tạp trị giá 1.000.000 đồng
- Căn nhà trị giá 45.000.000 đồng

Tổng tài sản thiệt hại trị giá 50.100.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà P yêu cầu ông D phải bồi thường thiệt hại tài sản theo Hội đồng định giá 28.606.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh D.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lại Thị Kim P.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh D về việc rút yêu cầu bồi thường thiệt hại căn nhà số tiền 70.000.000 đồng.

Bà Lại Thị Kim P có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Thanh D số tiền 2.685.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Buộc ông Trần Thanh D có trách nhiệm bồi thường cho bà Lại Thị Kim P số tiền 28.606.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh D chịu 1.355.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 2.495.000 đồng theo biên lai thu số 0011667 ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, ông D được hoàn lại 1.140.000 đồng.

Bà Lại Thị Kim P phải chịu 200.000 đồng án phí, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.252.000 đồng theo biên lai thu số 0011695 ngày 09/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà P được nhận lại 1.052.000 đồng.

Chi phí định giá: Ông Trần Thanh D, bà Lại Thị Kim P mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá, đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, ông Trần Thanh D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm, buộc bà P phải bồi thường cho ông số tiền 99.800.000 đồng, không chấp nhận việc bà P chỉ phải bồi thường cho ông 2.685.000 đồng. Không chấp nhận việc bồi thường cho bà P số tiền 28.606.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị G đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Trần Thanh D là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Tại ban hòa giải áp ông D đồng ý hỗ trợ cho bà P số tiền 2.000.000 đồng. Những người làm chứng đều xác định nhà ông D sụp kéo theo nhà bà P sập. Cấp sơ thẩm buộc chia thiệt hại tài sản của ông D, nhưng lại không tính lỗi bà P không trực vớt tài sản của bà P là chưa phù hợp do đó ông D chỉ bồi thường 50% tài sản của bà P là 14.303.000 đồng, đề nghị sửa án sơ thẩm buộc ông D bồi thường cho bà P số tiền 14.303.000 đồng và điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Bà G đại diện theo ủy quyền của ông D có yêu cầu kháng cáo trình bày không đồng ý buộc bà P chỉ bồi thường 2.685.000 đồng mà yêu cầu bồi thường 5.370.000 đồng do bà P can ngăn không cho trực vớt tài sản và không chấp nhận việc bồi thường số tiền 28.606.000 đồng cho bà P vì không cơ sở nào để chứng minh cho việc ông D sửa chữa nhà gây nên việc sập nhà của bà P, mà ở đây nhà của bà P hay nhà ông D là những căn nhà không kiên cố nên có thể sụp đổ bất cứ lúc nào. Vì vậy không đủ cơ sở xác định do nhà ông D đổ làm nhà bà P sập, và xin rút lại phần yêu cầu bồi thường trị giá căn nhà 70.000.000 đồng.

Bà P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông D, vì ông D sửa chữa nhà bị sập và kéo theo làm sập nhà bà. Nên bà yêu cầu ông D bồi thường như số tiền như án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và thẩm định tại chỗ lại hiện trạng hai căn nhà bị sập,

phía ông D sẽ chịu chi phí cho việc thẩm định lại và tôi luật sư bảo vệ cho nguyên đơn xin được phát biểu ý kiến như sau: Bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh nhà ông D sập dẫn đến nhà bà P sập. Biên bản thẩm định tại chỗ và lời khai của các người làm chứng không phù hợp nhau. Theo nguyên đơn nhà sập là do nội tại các căn nhà sập do siêu vẹo. Hiện trạng nhà bà P sập đè lên nhà ông D. Do đó, không đủ cơ sở xác định buộc ông D bồi thường. Đối với tài sản do bà P ngăn cản không cho trục vớt, ngâm dưới nước nên bị hư hỏng nên bà P phải bồi thường thiệt hại tài sản phần này. Buộc bà P bồi thường cho ông D 5.370.000 đồng và không buộc ông D bồi thường cho bà P 28.606.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đề nghị Hội đồng xét xử thẩm định tại chỗ, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết thẩm định lại như yêu cầu của người bảo vệ.

[2] Tại phiên tòa người kháng cáo rút lại yêu cầu đòi giá trị căn nhà bị thiệt hại là 70.000.000 đồng, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản khác 29.810.000 đồng nay chỉ yêu cầu toàn bộ thiệt hại theo định giá là 5.370.000 đồng, phần khác rút lại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ xem xét phần thay đổi yêu cầu kháng cáo về yêu cầu bồi thường tài sản. Đối với mức thiệt hại tài sản mỗi bên phải chịu cấp sơ thẩm xác định bà P có một phần lỗi là ngày hôm sau xảy ra việc sập nhà, bà đã ngăn cản không cho ông D trục vớt tài sản, tài sản bị hư hỏng là các đồ điện như tủ lạnh, mô tơ bơm nước nên thông thường ở trong nước 01 ngày sẽ dẫn đến hư hỏng nên xác định lỗi là 50% mỗi bên là phù hợp. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà P bồi thường cho ông D số tiền 2,685.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà P cấp sơ thẩm buộc ông D bồi thường cho bà P 28.606.000 đồng, thấy rằng nhà của hai bên đương sự là Thộc loại nhà tạm A không kiên cố, loại nhà sàn, cát phần lớn diện tích ở mé sông. Ông D cho rằng nhà bà P tự sập nghiên qua nhà ông kéo theo nhà ông sập nên việc bà P yêu cầu ông bồi thường ông không đồng ý. Tuy nhiên, theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 31/01/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần phía sau nhà ông D đang nằm đè lên nhà bà P, ông D cho rằng trước đó nhà bà P sập đè lên nhà ông nhưng sau này do dòng nước chảy nên đã đẩy ngược lại mới có hiện trạng là hiện nay nhà ông nằm đè lên nhà bà P. Tuy nhiên, ngoài lời khai thì ông không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình, ngược lại các người làm chứng là bà H xác định bà có chứng kiến việc sập nhà và nhà của ông D sập lùi về phía sau và ngã đè làm nhà bà P sập theo, lời khai của bà D cũng chứng kiến việc nhà sập, lời khai của bà Thúy sau khi sập nhà có đến gặp ông D thì ông D nói sẽ tính sau với bà P, đồng thời tại biên bản hòa giải ở ấp C, xã L vào ngày 23/11/2016 thì ông D đồng ý hỗ trợ cho bà P 2.000.000 đồng, ông D xác định này hôm đo ông có khiêng đồ đạc để sửa chữa nhà có cại ván, cửa sắt,... và xem

xét các ảnh chụp hiện trạng nhà do đương sự cung cấp thấy rõ phần nhà sau của ông D đã sập và nằm nghiêng đè lên phần nhà sau của bà P phù hợp với kết quả thẩm định tại chỗ ngày 31/01/2017. Từ đó có cơ sở xác định chính việc sửa chữa nhà của ông D, nhưng không có các biện pháp kiềm giữ đã gây ra ảnh hưởng dẫn đến sập nhà không kiên cố liền kề của bà P. Từ đó, cấp sơ thẩm xác định lỗi của ông D và buộc ông D bồi thường thiệt hại cho bà P là có cơ sở phù hợp với Điều 627 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, kháng cáo của ông D về không đồng ý bồi thường cho bà P là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với phần thiệt hại các tài sản là vật dụng của bà P, thấy rằng trong một thời gian dài bà P không có biện pháp trực vớt tài sản của mình để hạn chế thiệt hại nên bà P phải chịu một phần trách nhiệm đối với việc thiệt hại các tài sản này, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lỗi của bà P phải chịu thiệt hại 50%, các tài sản này được định giá tổng cộng là 2.760.000 đồng, bà P ông D phải chịu mỗi người 50% là 1.380.000 đồng. Vậy ông D phải bồi thường cho bà P căn nhà là 25.846.000 đồng, 50% thiệt hại tài sản là 1.380.000 đồng, tổng cộng số tiền là 27.226.000 đồng.

[4] Về án phí: Do điều chỉnh án sơ thẩm về số tiền bồi thường nên có điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm, và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh D được chấp nhận một phần nên ông D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đòi bà P bồi thường giá trị căn nhà 70.000.000 đồng của ông D.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Thanh D;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DSST ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn. Buộc ông Trần Thanh D bồi thường cho bà Lại Thị Kim P số tiền 27.226.000 đồng.

- Án phí:

+ Điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Thanh D chịu 1.361.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 2.495.000 đồng theo biên lai thu số 0011667 ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, ông D được nhận lại 1.134.000 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Thanh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012033 ngày 23/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện Tri Tôn (1);
- THA huyện Tri Tôn (1);
- Tòa Dân sự (2);
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1);
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1);
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Lưu: hồ sơ.

Trần Hoàng Vũ

